ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 388 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

1. Ban hành mới 21 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính *(lĩnh vực Bảo vệ thực vật 09 thủ tục hành chính; lĩnh vực Trồng trọt 12 thủ tục hành chính).*

2. Thay thế 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính *(mã số thủ tục 1.004493)* đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; được sửa đổi/bổ sung; và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm)

3. Bãi bỏ: 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính *(cấp tỉnh 02 quy trình, cấp huyện 02 quy trình)* ban hành tại Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các nội dung khác tại Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn còn giá trị pháp lý.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Igate). Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cổng dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 388 /QĐ-UBND ngày 16 / 7 /2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
A. CẤP TỈNH					
I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT					
1. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC: 2.001236. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	2.000.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt Chi cục Phát triển nông thôn	9 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			13 ngày làm việc		

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
2. Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC: 1.003971. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	1.000.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt - Chi cục Phát triển nông thôn	2,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**5 ngày làm việc**		
3. Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật- Mã TTHC: 1.004546. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc		

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
4. Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật - Mã TTHC 1.004524. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			3 ngày làm việc		

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
5. Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón -Mã TTHC 1.007926. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	15,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		
6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón- Mã TTHC 1.007927 .Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 6.000.000 đồng/01 cơ sở/lần. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	15 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc	chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		
7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón- Mã TTHC 1.007928. Một phần *Trường hợp 1: thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).*					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	15 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Trường hợp 2: trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứn nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3,25 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc**		
8. Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón - Mã TTHC 1.007929. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3.25 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**7 ngày làm việc**		
9. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu. Mã TTHC 1.003395 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	30 phút	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	30 phút		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	4,5 tiếng		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	02 tiếng		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1 ngày làm việc		

Các Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Gh chú
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	30 phút		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**02 ngày làm việc**		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT					
1. Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Mã TTHC: 1.010090					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	14 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**20 ngày làm việc**		
2. Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng. Mã số thủ tục: 1.007998					
2.1 Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0.5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	14 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**20 ngày làm việc**		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
2.2 Cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0.5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**5 ngày làm việc**		
3. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012072 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1.5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**06 ngày làm việc**		
4. Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012071 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1.5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**06 ngày làm việc**		
5. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012073 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1.5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**06 ngày làm việc**		
6. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. Mã số TTHC: 1.012070 – Một phần					
6.1 Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	7 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**12 ngày làm việc**		
6.2. Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc		Soạn thông báo cho người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng phải trả lời bằng văn bản		20 ngày làm việc		
Bước 6	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc		
Bước 7	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 8	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**30 ngày làm việc**		
7. Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012063 - Một phần					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	12 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**18 ngày làm việc**		
8. Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012064 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**06 ngày làm việc**		
9. Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012062 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	7 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**13 ngày làm việc**		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
10. Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.011998					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết *(kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*			**10 ngày làm việc**		
11. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế *(bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).* **Mã TTHC: 1.007999 (Một phần)**					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
12. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. Mã TTHC: 1.007994 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	7 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	3 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**13 ngày làm việc**		

PHẦN II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤP TỈNH					
1. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật- Mã TTHC: 1.004493. Toàn trình				**600.000 đồng**	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửaSở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		